TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2019

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn''

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệp

Ông Trần Văn Hổ

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*:

Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Đỗ Cẩm Nh**, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp HL, xã THĐ, huyện CN, tỉnh CM (có mặt)

2. *Bị đơn*: anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp 1, xã K, thành phố BT, tỉnh BT. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nh trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 2007, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố BT, tỉnh BT vào năm 2013. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc, năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Anh chị đã cố gắng vun đắp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh chị ly thân đến nay

hơn 03 năm. Hiện tình cảm của chị đối với chồng không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn T T, sinh ngày 05/3/2008 và Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 02/5/2015. Hiện cháu T đang sống với anh T, cháu H đang sống với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu H, anh T nuôi cháu T, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: không có

Nợ chung: chị Nh khai không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã Nhều lần mời anh T đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người T hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Chị Nh được tiếp tục nuôi con cháu H, anh T nuôi cháu T và ghi nhận việc chị không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 27/5/2019 chị Đỗ Cẩm Nh có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T đang cư trú tại thành phố BT nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh BT đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng anh T không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể T hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh BT cũng đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[3] Chị Đỗ Cẩm Nh và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2007, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố BT, tỉnh BT vào năm 2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc, đến năm 2013 thì mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Anh chị đã cố gắng vun đắp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh chị ly thân đến nay hơn 03 năm. Hiện tình cảm của chị đối với anh T không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn. Anh T không đến Tòa và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh.

[4] Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn T T, sinh ngày 05/3/2008 và Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 02/5/2015. Hiện cháu T đang sống với anh T, Cháu T có nguyện vọng xin được sống với anh T do đó nghĩ nên giao anh T tiếp tục nuôi cháu T. Cháu H đang sống với chị Nh, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu H, do đó nghĩ nên giao cháu H cho cho chị Nh nuôi. Ghi nhận việc chị không cấp dưỡng nuôi con cũng như việc chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: chị Nh khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị Nh khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng chị Nh phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 , 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Cẩm Nh, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: chị Đỗ Cẩm Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: có 02 cháu tên Nguyễn T T, sinh ngày 05/3/2008 và Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 02/5/2015. Anh T được tiếp tục nuôi cháu T. Chị Nh được

tiếp tục nuôi cháu H. Ghi nhận việc chị Nh không cấp dưỡng nuôi con cũng như việc chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: chị Nh khai không có

- *Về nợ chung*: chị Nh khai không có nên Tòa không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đỗ Cẩm Nh phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002720 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã K, thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng **Nguyễn Thị Ngọc Thôi** **Nguyễn Duy Phong**